

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS HOLDINGS
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



NỘI DUNG

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khai quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các sản phẩm tiêu biểu

Thông điệp Chủ tịch HĐQT

Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

03 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

04 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Tổng Giám đốc

05 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020

I. THÔNG TIN CHUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS HOLDINGS

(tiền thân là CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ)

Mã chứng khoán	:	BII
Tên viết tắt	:	LOUIS HOLDINGS
Trụ sở	:	Khu phố 11, P. Bình Tân, Tx. Lagi, Tỉnh Bình Thuận
Số điện thoại	:	028 7777 9999
Vốn điều lệ	:	576.800.000.000 VND
Số đăng ký kinh doanh	:	3400555146
Website	:	www.louisholdings.vn
Email	:	info@louisholdings.vn



Trao chữ tín, **Nhận** niềm tin

TÂM NHÌN

LOUIS HOLDINGS ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THÀNH MỘT TẬP ĐOÀN ĐA NGÀNH HÀNG ĐẦU KHU VỰC, KHÔNG NGỪNG HỌC HỎI, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO ĐỂ KIẾN TẠO HỆ SINH THÁI CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ ĐẲNG CẤP

SỨ MỆNH

LOUIS HOLDINGS luôn luôn vì một thế hệ, tương lai tốt đẹp, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt và nâng tầm vị thế của thương hiệu Việt trên trường quốc tế

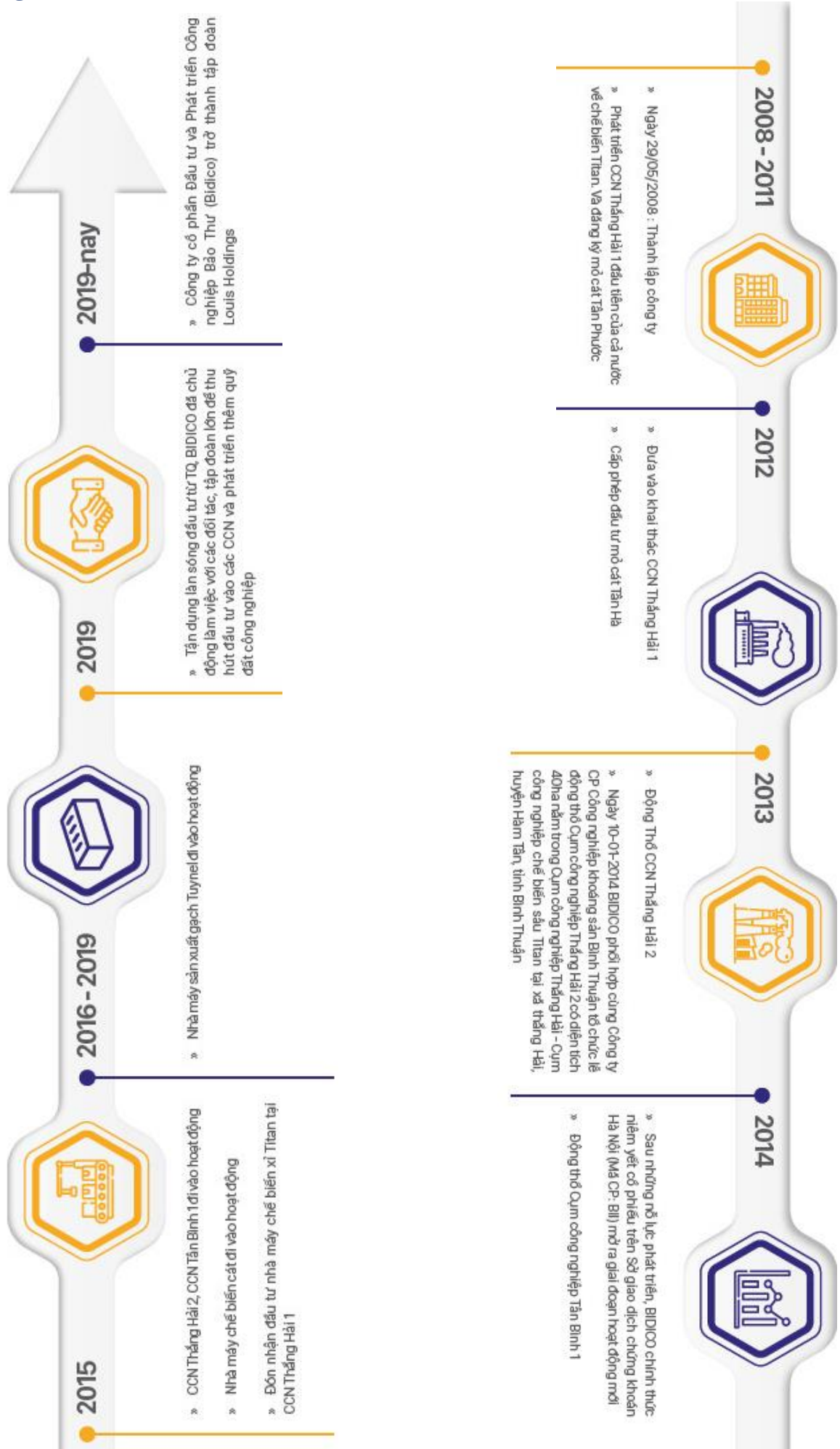
ĐỊNH VỊ

LOUIS HOLDINGS TẠO NÊN MỘT GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU BẰNG SỰ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG. LOUIS HOLDING LUÔN XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI, SANG TRỌNG VÀ GẮN KẾT

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

LOUIS HOLDINGS luôn luôn đặt chữ “**TÍN – TÂM – TRÍ**” lên vị trí hàng đầu hoạt động doanh nghiệp, lấy chữ **TÍN** làm vũ khí cạnh tranh và **TÂM** làm nền tảng, **TRÍ** làm sức sống

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Nông Nghiệp



Bất Động Sản



Sản Xuất Công Nghiệp



Năng Lượng Sạch

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

CÁT TRẮNG SIBICO

Nguồn nguyên liệu cát trắng được khai thác tại mỏ cát trắng được Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp phép. Nguyên liệu cát trắng được tuyển rửa, tách các tạp chất và khoáng vật kim loại đồng thời phân loại cát theo kích thước hạt bằng hệ thống máy móc thiết bị hiện đại áp dụng công nghệ tiên tiến không gây ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước.



Thông số kỹ thuật

Chỉ tiêu

- Cỡ hạt	
+ Cát hạt nhỏ - THS01	<0,3 mm
+ Cát hạt vừa - THS02	0,3 - 0,6 mm
+ Cát hạt to - THS03	>0,6mm
- Độ ẩm	<5%
- Hàm lượng SiO ₂	>99,5%

Sản xuất kính



Tấm thạch cao



Khuôn đúc



Cung cấp cát trắng theo đơn hàng từ 100 đến 6.000 tấn, trong nước và xuất khẩu.

Giao hàng tại kho người mua tại các tỉnh Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM.

Đặc biệt Công ty có Sản phẩm cát trắng đã sấy khô với độ ẩm <1%, được đóng bao 50Kg, hoặc bao Jumbo 1 tấn.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP

CỤM CÔNG NGHIỆP THĂNG HẢI 1, 2 & 3

Với quỹ đất hơn 140ha tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận Cụm Công nghiệp Thăng Hải được đưa vào khai thác để phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp tại địa bàn tỉnh Bình Thuận.

CÁC NGÀNH NGHỀ ĐANG THU HÚT ĐẦU TƯ

CHẾ BIẾN TITAN

- Xi Titan
- Zircon
- Nano Titan

CHẾ BIẾN CÁT

- Cát trắng
- Cát xây dựng
- Bông sợi thủy tinh

CHẾ BIẾN GỖ

- Sản xuất Gỗ nội ngoại thất
- Chế biến Gỗ nguyên liệu

VLXD

- Gạch Tuynel
- Gạch không nung

CN PHỤ TRỢ

- Dệt may
- Dụng cụ y tế

LỢI THẾ CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP

- Giá thuê đất cạnh tranh
- Giao thông thuận tiện
- Gần các hệ thống Cảng
- Trạm điện: 110 KV - 80 MVA cung cấp cho toàn CCN
- Nguồn nước dồi dào, ổn định
- Xử lý nước thải theo QCVN 40

- Nguồn nhân lực dồi dào
- Thủ tục pháp lý nhanh chóng và thuận lợi
- Chính sách thuế ưu đãi
- Nằm trong Vùng nguyên liệu phong phú, giá cả cạnh tranh, sản lượng lớn

CÁC DỰ ÁN ĐÃ THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI CCN THĂNG HẢI 1

STT	Lô đất	Diện tích	Nhà máy	Chủ đầu tư
1	B1+B2	7,5 ha	Nhà máy chế biến gỗ Bình Thuận	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận
2	B3	10,6 ha	Nhà máy chế biến Titan Bình Thuận	Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận
3	A1	4,2 ha	Nhà máy chế biến cát Bình Thuận	Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận
4	A2	2,7 ha	Nhà máy sản xuất gạch Tuynel BIDICO	Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO
5	A3	3,2 ha	Nhà máy sản xuất gạch không nung	Công ty TNHH Louis Bricks
6	A4	5,9 ha	Nhà máy sản xuất đá thạch anh cao cấp	Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp LOUIS HOLDINGS

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH

Với vị trí thuận lợi nằm tại Thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận cách TP.HCM 160km và khu vực cảng Đồng Nai 90 Km, nằm sát trục đường giao thông chính. Cụm công nghiệp được quy hoạch và đầu tư bài bản, hiện đại với mục tiêu phát triển lĩnh vực chế biến nông sản, thủy sản và các sản phẩm từ nông nghiệp.

Các lô đất trong CCN Tân Bình được quy hoạch với diện tích khoảng 8000 m²/lô đất phù hợp với các nhà máy có công suất nhỏ, các chủ đầu tư có thể thuê nhiều lô để ghép thành thửa đất lớn.

NGÀNH NGHỀ ĐANG THU HÚT ĐẦU TƯ



Chế biến thủy hải sản

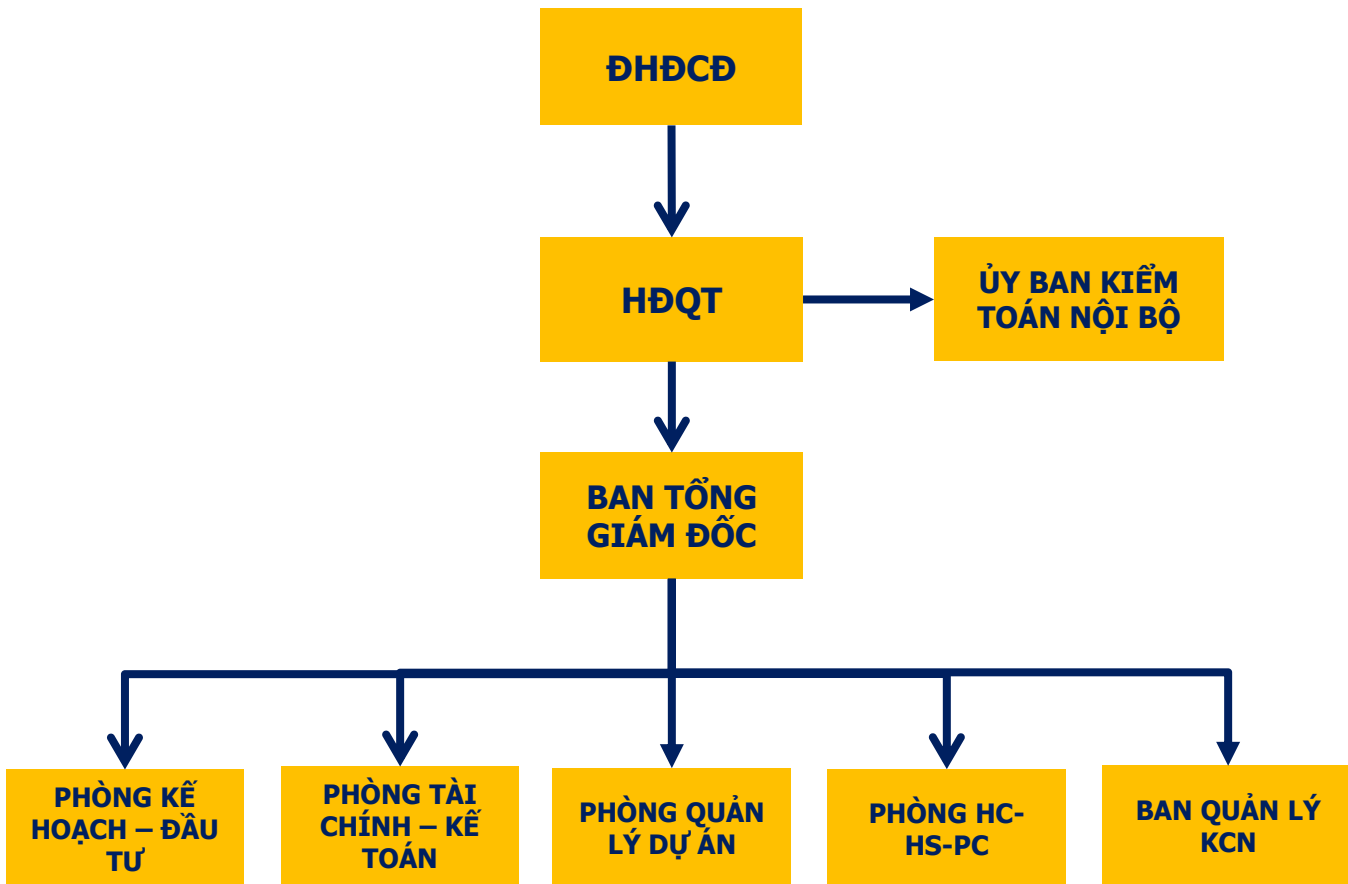
Chăn nuôi công nghệ cao

Chế biến sản phẩm từ nông nghiệp



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Kể từ lúc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, LOUIS HOLDINGS đã gỡ bỏ hoàn toàn mô hình quản trị truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp, đồng thời kế thừa và phát huy những điểm mạnh trước đây.



GIỚI THIỆU BỘ MÁY LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG - Chủ tịch HĐQT

- Chủ Tịch HĐQT, thành viên sáng lập.
- Sinh năm 1967
- Ông là một trong 3 thành viên sáng lập công ty.
- Với bề dày hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và hơn 10 năm trong công tác quản trị điều hành.
- Sáng lập ra LOUIS HOLDINGS năm 2008, trong suốt quá trình phát triển của LOUIS HOLDINGS, ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng cũng như có tầm nhìn xa và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2020 : 6.157.900 cp, chiếm 11,74%

ÔNG NGUYỄN VĂN HOÀNG Thành viên HĐQT

- Sinh năm 1961
- Ông là thạc sỹ kinh tế, với kinh nghiệm quản lý tại các quỹ đầu tư quốc tế, ông là người nhạy bén với tình hình tài chính trong nước và thế giới.
- Ông là nhà quản trị xuất sắc của LOUIS HOLDINGS. Ông am hiểu mô hình và đặc thù kinh doanh của LOUIS HOLDINGS, luôn tiên phong trong việc hiện đại hoá hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2020 : 150.000 cp, chiếm 0,26%

ÔNG VÕ PHÚ NÔNG Thành viên HĐQT kiêm TGD

- Sinh năm 1974
- Ông tốt nghiệp chuyên Dược sỹ Trường Đại học Y Dược Phạm Ngọc Thạch
- 1998-2004: Giảng viên Trường Trung học Y Tế An Giang
- 2004-2008: Phân phối viên của Công ty Dược Phẩm Việt Nam
- 2008-2015: Làm kinh tế gia đình
- 2015-2018: Giám đốc Công ty TNHH Dược Liệu Bảo Tâm
- T5/2018 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 21/12/2020 : 18.400 cp, chiếm 0,032%

ÔNG NGUYỄN QUỐC HỒ Thành viên HĐQT

- Sinh năm 1962
- Ông tốt nghiệp trường Đại học Mỹ Thuật Huế có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quảng cáo, thiết kế sản phẩm mỹ thuật và quản trị tại các công ty đá mỹ nghệ.
- Trên cương vị là TV.HĐQT, ông là người phát triển dự án sản xuất đá ốp lát nhân tạo cao cấp của công ty.
- Ngoài ra Ông đang là Giám đốc Công ty TNHH MTV Đá Thạch Anh Cao Cấp LOUIS HOLDINGS
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2020 : 0 cp, chiếm 0,0%

ÔNG DƯƠNG HÙNG BIÊN Thành viên độc lập HĐQT

- Sinh năm 1974
- Kiến trúc sư, ông là chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn quy hoạch, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Những tư vấn cùng với kinh nghiệm của ông sẽ giúp LOUIS HOLDINGS xây dựng các công trình công nghiệp hiện đại và đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2020 : 0 cp, chiếm 0,0%

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông LÊ QUANG NHUẬN - Tổng Giám đốc

- Sinh năm 1985
- Là người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại xuất nhập khẩu nông sản đặc biệt là lúa gạo, ông là người góp công lớn công việc đưa hạt gạo chất lượng cao của người Việt ra với thế giới.
- Ông tốt nghiệp chuyên ngành CNTT trường Đại học KH TN TPHCM.
- 2012-2020: Ông là Giám đốc Công ty TNHH XNK Louis Rice
- 2020 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Louis Holdings
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2020 : 200.000 cp, chiếm 0,35%

Bà MAI THỊ KIM PHƯƠNG - Kế Toán Trưởng

- Sinh năm 1986
- Là người am hiểu và có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2020 : 0 cp, chiếm 0,0%

THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể CBNV công ty !

2020 là một năm thật nhiều biến động và thật nhiều thử thách đối với tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, 2020 cũng là một năm đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong chiến lược phát triển công ty. Đối với tôi đây là một năm thật nhiều ý nghĩa.

Được thành lập từ năm 2008 từ một doanh nghiệp nhỏ chuyên khai thác và xuất khẩu cát đến một tập đoàn đầu tư đa ngành gặt hái được nhiều thành công và cũng tồn tại nhiều khó khăn, hạn chế. Đến tháng 03 năm 2021 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Louis Holdings đánh dấu bước ngoặt mới về chiến lược, về tư duy và sự thay đổi trong bộ máy lãnh đạo.

2020 là năm để định hình lại chiến lược phát triển, mạnh dạn từ bỏ những kế hoạch không phù hợp để tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi vừa là thế mạnh và giàu tiềm năng.

2021 tiếp tục con đường tái cấu trúc để định hình và xây dựng chiến lược phát triển bền vững, lấy BĐS Công nghiệp làm nền tảng lấy sản xuất chế biến lương thực, nông sản làm bàn đạp để đưa Công ty vươn lên một tầm cao mới. Với những kết quả bước đầu, cho thấy con đường mà chúng tôi lựa chọn là đúng là phù hợp để chúng tôi có thêm niềm tin động lực tiếp tục phấn đấu, suy nghĩ và cống hiến để gặt hái được nhiều thành công hơn nữa.

Với tinh thần làm việc có trách nhiệm, sáng tạo của cán bộ nhân viên, với tuy duy nhạy bén sẵn sàng thay đổi để thích nghi của ban lãnh đạo, tôi tin tưởng rằng mọi nhiệm vụ mọi mục tiêu sẽ được chúng ta chinh phục.

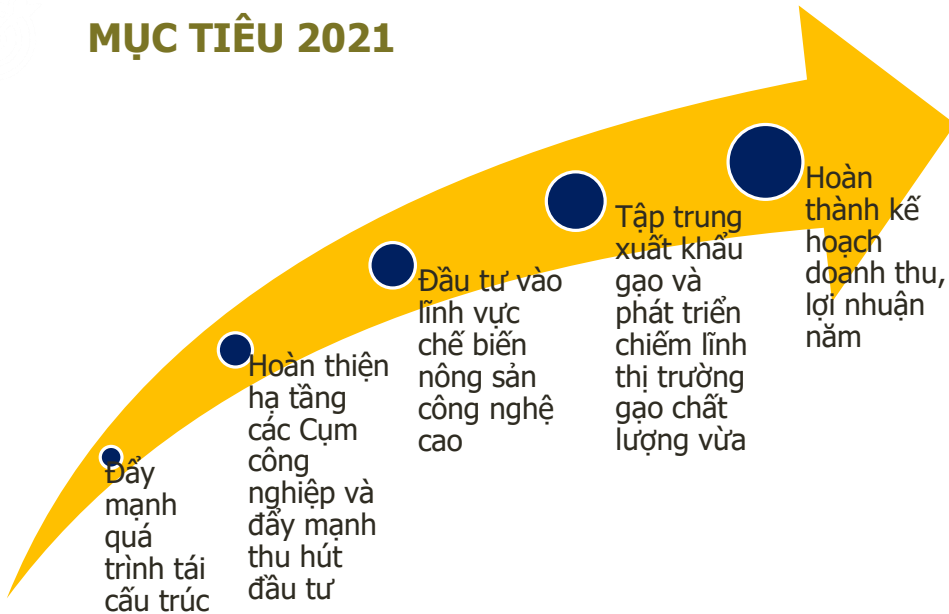
Cám ơn quý cổ đông, đối tác và khách hàng đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng LOUIS HOLDINGS trong thời gian qua.

Chủ Tịch HĐQT

Nguyễn Văn Dũng

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU 2021



CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Hướng đến mô hình tập đoàn đầu tư
- ✓ Trở thành tập đoàn sản xuất và chế biến nông sản hàng đầu
- ✓ Dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hạ tầng công nghiệp tại Bình Thuận
- ✓ Tìm kiếm đối tác chiến lược để cùng BII hợp tác thực hiện các dự án lớn.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ✓ Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận
- ✓ Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- ✓ Tham gia và đóng góp tích cực cho các hoạt động vì cộng đồng
- ✓ Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, LOUIS HOLDINGS luôn ý thức quản trị rủi ro tốt là nền tảng quan trọng để một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả và phát triển bền vững. Chính sách quản trị rủi ro của Công ty luôn được thực hiện thống nhất từ cấp quản lý cao nhất là Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc tới các phòng ban. Kết hợp với đó là việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn hiện đại, tiên tiến.

NHẬN DIỆN CÁC RỦI RO CỦA LOUIS HOLDINGS

Bên cạnh các rủi ro mang tính chung nhất, khách quan mà bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng gặp phải trong quá trình hoạt động kinh doanh như: rủi ro kinh tế, rủi ro cạnh tranh, rủi ro lãi suất, rủi ro thiên tai... LOUIS HOLDINGS còn phải đối mặt với các rủi ro mang tính đặc thù, riêng có do đặc điểm của ngành. Bao gồm:

Rủi ro từ hoạt động tài chính

Với việc đầu tư hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, các nguồn lực chia đều, dàn trải khiến LOUIS HOLDINGS phải đối mặt với nhiều khó khăn trong quản trị tài chính, kế hoạch dòng tiền, phân bổ nguồn vốn vào các dự án sao cho phù hợp với từng thời điểm, từng thời kỳ để tận dụng tối ưu nhất về nguồn lực tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán, khả năng trả lãi vay.

Rủi ro từ hoạt động đầu tư dự án

Với bề dày kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án lớn nhưng để đảm bảo an toàn, LOUIS HOLDINGS luôn chú trọng công tác phân tích tiềm khả thi dự án, phân tích thị trường, lựa chọn đúng thời điểm đầu tư và đặc biệt là công tác quản lý điều hành dự án để hạn chế những rủi ro chủ quan và khách quan.

Rủi ro từ nguồn nhân lực

Rủi ro về nguồn nhân lực có số lượng và chất lượng không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng của LOUIS HOLDINGS

Rủi ro chính sách

Các động của Công ty hầu hết trong lĩnh vực sản xuất VLXD, hạ tầng BĐS nên trong năm 2017 công ty bị ảnh hưởng nhiều bởi chính sách hạn chế xuất khẩu cát trắng và chính sách hạn chế dùng gạch nung trong các công trình xây dựng. Việc không lường trước được rủi ro từ chính sách đã tác động không nhỏ đến tình hình kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



*Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

các mảng kinh doanh chính của LOUIS HOLDINGS trong năm 2020 chuyển nhượng dự án Khu chuyên tải Sông Dinh và cho thuê đất tại CCN Thăng Hải 1

Chỉ tiêu	2019	2020	%tăng
Doanh thu thuần	12,9 tỷ	69,4 tỷ	438,0 %
LNST	-102,3 tỷ	14,8 tỷ	114,5 %

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% kế hoạch
Doanh thu thuần	120 tỷ	69,4 tỷ	58 %
LNST	20 tỷ	14,8 tỷ	74 %

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 khả quan hơn so với năm 2019 do trong năm Công ty đã bắt đầu định hướng lại ngành nghề kinh doanh cốt lõi và

Trong năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh hiện có và gia tăng sản lượng gạo để chiếm lĩnh thị trường gạo chất lượng vừa tại Việt Nam và xuất khẩu ra các thị trường trọng điểm .

Nhận thấy được tiềm năng từ mảng BĐS Công nghiệp nên Công ty tiếp tục hoàn thiện các dự án Khu cụm công nghiệp đã có sẵn và lập kế hoạch kinh doanh để thu hút được các nhà đầu tư vào thuê đất để phát triển bền vững lợi thế của Công ty.

Đồng thời Công ty tiếp tục M&A để chuyển nhượng lại các dự án, tài sản hiện không hiệu quả nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kế hoạch Doanh thu 2021

800 tỷ

Kế hoạch LNST 2021

36 tỷ

Kế hoạch tăng vốn điều lệ 2021 thêm

320 tỷ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

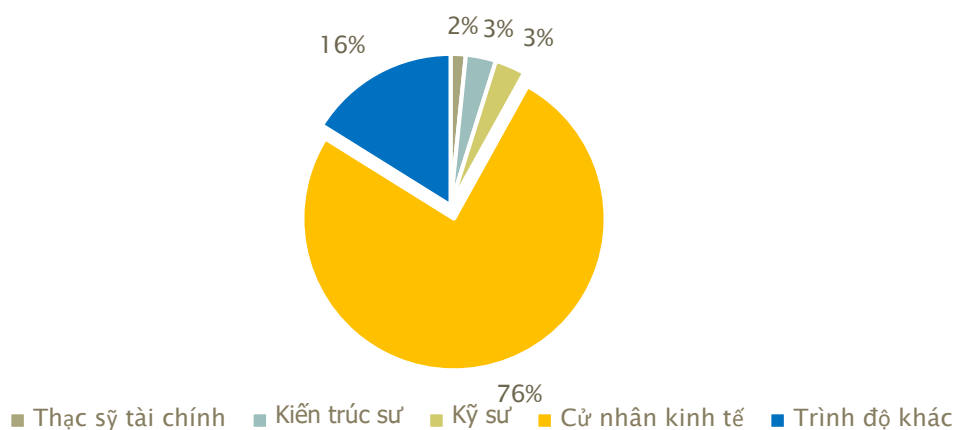
Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2020

Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Võ Phú Nông	Tổng giám đốc	0,032%
Bà Mai Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	0,00%
Ông Lê Quang Nhuận	Tổng giám đốc	0,35%
Bà Nguyễn Thị Minh Hiệp	Kế toán trưởng	0,00%

- Ngày 18/12/2020 Bổ nhiệm Ông Lê Quang Nhuận làm Kế toán trưởng của Công ty thay thế ông Võ Phú Nông.
- Ngày 01/01/2021 Bổ nhiệm Bà Nguyễn Minh Hiệp làm Kế toán trưởng của Công ty thay thế Bà Mai Thị Kim Phượng

Số lượng Cán bộ nhân viên và chính sách lao động

Tính đến cuối năm 2020, LOUIS HOLDINGS hiện có khoảng 60 cán bộ nhân viên.



LOUIS HOLDINGS áp dụng chính sách đãi ngộ công bằng, thù lao, lương, thưởng đều phụ thuộc vào sự nỗ lực công hiến của nhân viên, LOUIS HOLDINGS cũng hướng đến sự thịnh vượng, đầy đủ trong đời sống vật chất và tinh thần để nhân viên an tâm tập trung cống hiến vào sự nghiệp phát triển chung của công ty.

Hàng năm LOUIS HOLDINGS thường tổ chức những chuyến dã ngoại, tham quan mục đích gây dựng tinh thần đoàn kết, giúp nhân viên thoải mái tinh thần, tạo thêm động lực làm việc. Thể hiện đúng bản chất văn hóa trong LOUIS HOLDINGS.

CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của LOUIS HOLDINGS	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Chế Biến Cát Bình Thuận	99,7 tỷ	100%	Khai thác, sản xuất, Thương mại cát
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	51 tỷ	100%	Sản xuất, Thương mại VLXD
Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	42 tỷ	76,2%	Sản xuất, chế biến gỗ từ rừng trồng
Công ty TNHH MTV BĐS và Xây Dựng Bình Thuận	81 tỷ	100%	Đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Hạ Tầng Bảo Thư Trị An	45 tỷ	100%	Phát triển CCN, cho thuê đất CCN
Công ty TNHH Địa Ốc Tân Bửu	256 tỷ	94,34%	Bất động sản, dịch vụ
Công ty TNHH Kỹ nghệ gỗ Lam Sơn	36 tỷ	51%	Sản xuất, chế biến gỗ
Công ty TNHH Golden Resource	90 tỷ	99,03%	Sản xuất, chế biến lúa gạo

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2020 (tỷ đồng)	2021 (tỷ đồng)	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	726,5	1.014,9	39,7
Doanh thu thuần	12,9	69,4	438,0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-98,2	17,6	118,0
Lợi nhuận khác	-4,1	-2,8	-30,8
Lợi nhuận trước thuế	-102,3	14,8	114,5
Lợi nhuận sau thuế	-102,3	14,8	114,5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Tình hình tài sản

Đến thời điểm ngày 31/12/2020, tổng tài sản được ghi nhận là 1014,9 tỷ tăng gần 40 % so với năm 2019

Tỷ suất sinh lợi trên Tổng tài sản là 1,5%

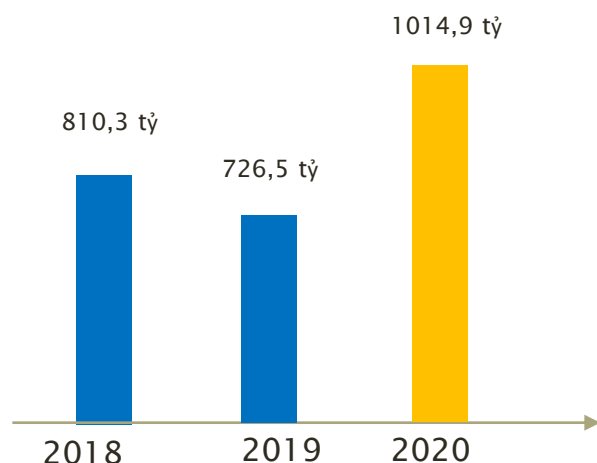
Các khoản nợ xấu trong kỳ là 87,7 tỷ.

Tình hình nợ phải trả

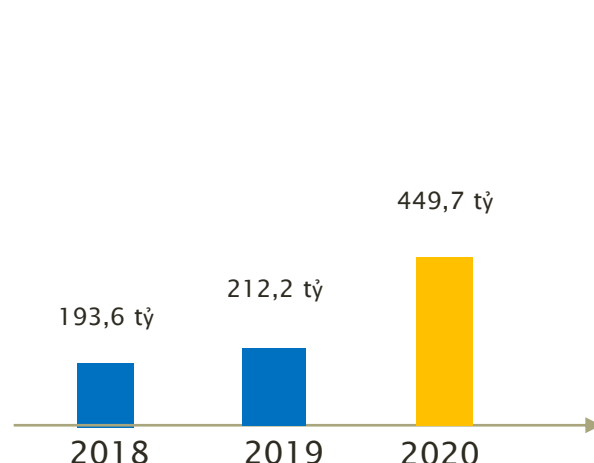
Tại thời điểm ngày 31/12/2020 Tổng các khoản nợ là 449,7 tỷ tăng 111,9% so với cùng kỳ. Trong đó nợ ngắn hạn là 346,8 tỷ chiếm 77%, chủ yếu đến từ việc phát sinh chi phí phải trả ngắn hạn và vay vốn lưu động cho các nhà máy.

Nợ dài hạn 102,8 tỷ chủ yếu là khoản hỗ trợ tài chính từ đối tác chiến lược.

TỔNG TÀI SẢN

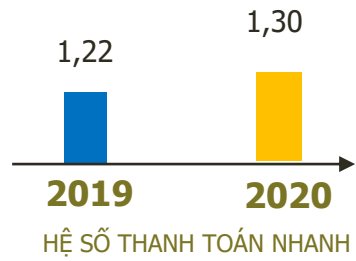
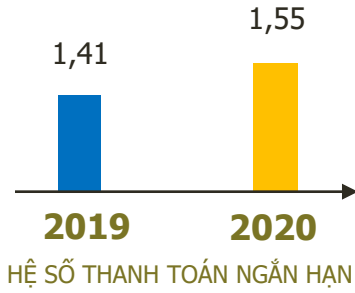


NỢ PHẢI TRẢ

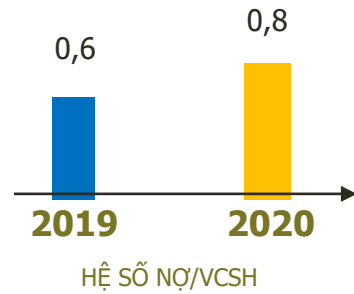
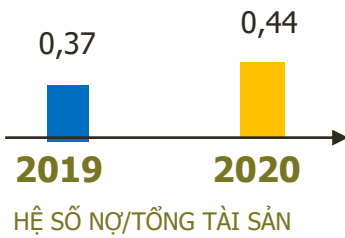


Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

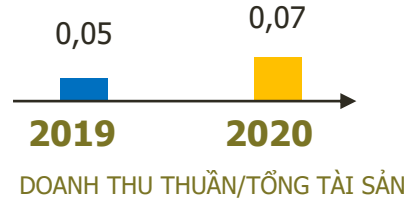
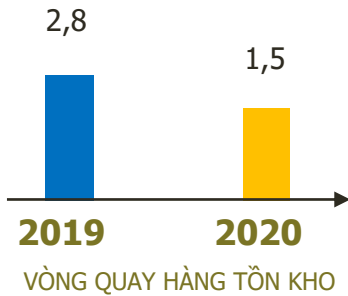
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



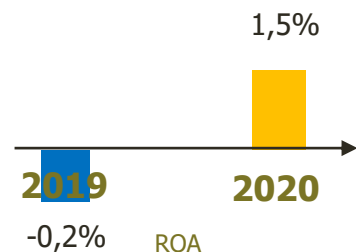
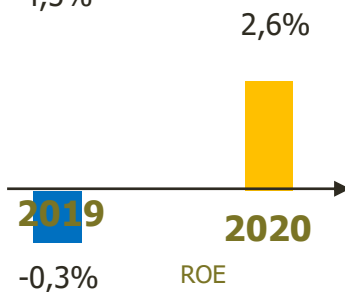
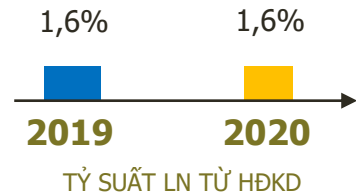
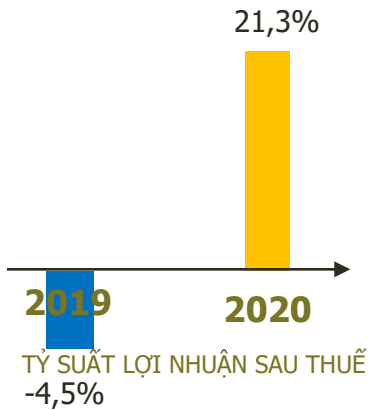
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

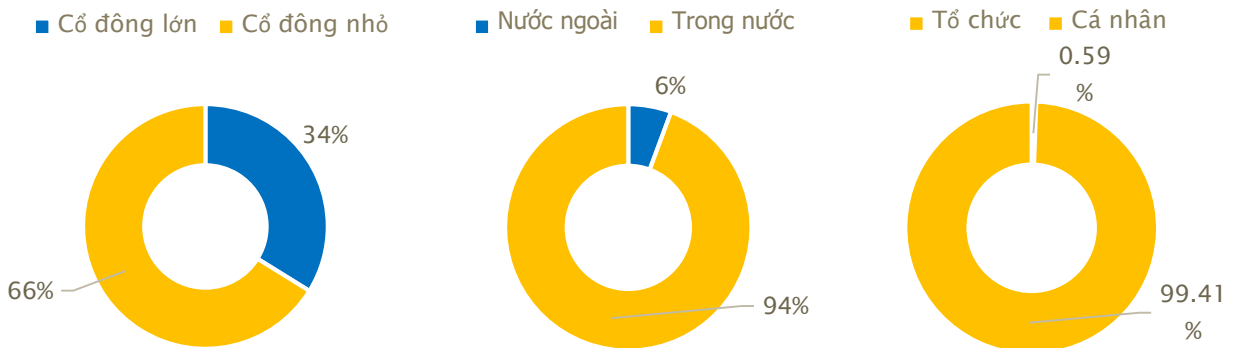


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ	576.800.000.000 đồng
Mệnh giá	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	57.680.000 cổ phần
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	57.680.000 cổ phần
Sở giao dịch	HNX

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

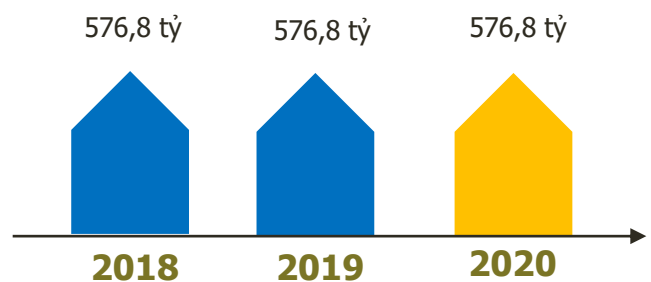


- Ông Nguyễn Văn Dũng Chủ tịch HĐQT nắm giữ 11,74% Cổ phần có quyền biểu quyết.
- Bà Nguyễn Thị Mai vợ ông Nguyễn Văn Dũng nắm giữ 5,12% Cổ phần có quyền biểu quyết.
- Ông Đỗ Cần nắm giữ 16,96% Cổ phần có quyền biểu quyết.

* Số liệu trên được tính tại thời điểm 31/12/2020

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Trong năm 2020, vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến cát từ nguồn nguyên liệu chủ yếu đến từ các mỏ cát đã được cấp phép của công ty. Qua quy trình tuyển rửa, tách hạt phức tạp hơn 99% cát nguyên liệu đều ra thành phẩm, phần thải còn lại là bùn đất tự nhiên được Công ty hoàn thổ lại môi trường.

Tiêu thụ nước

Công ty được các cơ quan chức năng cấp phép để sử dụng mạch nước ngầm tại nhà máy để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

Để giảm tối thiểu về nhu cầu nước phục vụ cho sản xuất Công ty đã tiến hành đào các hồ nước để dự trữ và quy trình tuyển rửa cát là hoàn toàn khép kín, lượng nước thất thoát chủ yếu là do bốc hơi.



Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Hàng năm Công ty đều hỗ trợ địa phương trao học bổng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các gia đình chính sách, đóng góp và kêu gọi để nâng cấp đường xá...



Tiêu thụ năng lượng

Hoạt động vận hành dây chuyền tuyển rửa được Công ty cải tiến từ sử dụng năng lượng xăng dầu sang điện, góp phần hạn chế khí thải ra môi trường.

Với thiết bị hiện đại được đầu tư nghiên cứu kỹ nên hầu hết các thiết bị điều tiết kiệm điện mức tối đa.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

LOUIS HOLDINGS luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bằng việc tất cả các dự án của Công ty đều được các cơ quan chức năng thẩm tra và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Hàng năm công ty đều có chính sách khám sức khỏe cho người lao động, tham gia các dịch vụ bảo hiểm y tế, bảo hiểm lao động cho Công nhân.

Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nghiệp vụ, cho Công nhân tiếp thu các kỹ năng làm việc tại các Nhà máy khác để nâng cao tay nghề. Hàng năm công ty đều tạo cơ hội cho nhân viên có năng lực lên các chức vụ quản lý cấp trung để tạo lực lượng quản trị kế thừa cho LOUIS HOLDINGS.



III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% kế hoạch
Doanh thu thuần	120 tỷ	69.4 tỷ	57,8
LNST	20 tỷ	14,8 tỷ	74,0

- Do tình hình kinh doanh biến động bởi nhiều yếu tố không thuận lợi nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm không đạt như mong muốn.

Đánh giá về kết quả thực hiện các chiến lược đã đề ra

Đẩy mạnh hoạt động cho thuê đất.

- Trong năm 2020, kỳ vọng vào sự nóng lên của BĐS, công ty đẩy mạnh hoạt động cho thuê BĐS công nghiệp. Kết quả ban đầu đạt nhiều thuận lợi.

Đẩy mạnh tiến độ đền bù, GPMB mỏ cát trắng Tân Phước.

- Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đền bù, GPMB để nhà máy chế biến cát có đủ nguồn nguyên liệu đầu vào. Dự kiến trong năm 2021 Công ty sẽ xuất khẩu lại cát trắng, góp phần mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Thoái vốn khỏi các dự án, mãng kinh doanh không hiệu quả.

- Trong năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo lập chiến lược hợp tác với đối tác chiến lược và thoái vốn khỏi các Công ty dự án chiếm dụng vốn cao để tập trung vào mãng kinh doanh cốt lõi.

Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán

- Năm 2020, Công ty đã lựa chọn đối tác soát xét BCTC là Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM và đơn vị kiểm toán BCTC năm là Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt

BÁO CÁO CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công tác tổ chức nhân sự

- Năm 2020 đánh dấu bước chuyển mới trong hoạt động nhân sự của LOUIS HOLDINGS với việc bổ nhiệm hàng loạt các vị trí quản lý cấp trung ở độ tuổi từ 25 đến 30 tuổi, LOUIS HOLDINGS đang xây dựng một lực lượng kế thừa dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tế, đảm bảo trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Quan hệ cổ đông/nhà đầu tư

- HĐQT đã chỉ đạo tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020 thành công trên tinh thần công khai, minh bạch.
- Từ cuối năm 2019 giá cổ phiếu BII liên tục tăng đánh dấu bước chuyển lớn về kỳ vọng và niềm tin của cổ đông đối với Công ty và HĐQT.

Định hướng phát triển bền vững

- LOUIS HOLDINGS luôn hướng đến một sự phát triển bền vững ngay cả trong nội tại công ty và hướng đến môi trường bên ngoài.
- Với đội ngũ nhân viên trẻ năng động, chính sách lương thưởng phù hợp, môi trường làm việc học tập nhiều thử thách, văn hóa hiện đại, là những cơ sở để LOUIS HOLDINGS thu hút và giữ chân nhân tài.
- Cơ chế quản trị hiện đại, Ban Kiểm soát nội bộ luôn hoàn thành tốt trách nhiệm hướng đến sự vững mạnh và minh bạch trong tài chính.

BÁO CÁO CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động điều hành

- Thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất, HĐQT kết hợp đã theo dõi và chỉ đạo kịp thời hoạt động của Tổng giám đốc trong thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020 nhằm hoàn thành mục tiêu do ĐHĐCĐ năm 2020 đã đề ra
- Chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện tốt hoạt động giám sát và tham mưu HĐQT và Ban Tổng giám đốc về quản trị rủi ro

Kết quả giám sát

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực và tính kỷ luật của Ban Tổng Giám đốc, trong việc thực hiện các mục tiêu của năm 2020. Vì vậy trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh không thuận lợi một phần là do công tác điều hành còn nhiều hạn chế.
- Tổng giám đốc đã đề xuất những thay đổi hợp lý, đảm bảo sự tăng trưởng như tái cấu trúc các đơn vị thành viên, bổ sung nguồn nhân lực trẻ cho Công ty.
- Trong quá trình điều hành hoạt động, Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Về cơ cấu tổ chức và quản trị Công ty

- Năm 2021, HĐQT tiếp tục tái cấu trúc toàn hệ thống theo mô hình Công ty đầu tư.
- Bổ sung những nhân sự cấp cao có trình độ chuyên môn cao để điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của các Công ty con.
- Tiếp tục xây dựng, đào tạo lực lượng kế thừa cho nhu cầu phát triển sắp tới.

Về hoạt động đầu tư và kinh doanh

- Tìm kiếm đối tác để cùng đầu tư xây dựng các dự án mang tính chiến lược của Công ty.
- Thông qua nghiệp vụ M&A để cơ cấu lại tài sản của Công ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng mạng lưới kinh doanh.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Kiểm nhiệm trong HĐQT công ty khác
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT Thành viên điều hành	11,74%	Không có
Ông Nguyễn Văn Hoàng	TV.HĐQT Thành viên không điều hành	0,26%	Không có
Ông Nguyễn Quốc Hồ	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,00%	Không có
Ông Võ Phú Nông	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,03%	Không có
Ông Dương Hùng Biện	TV độc lập HĐQT Thành viên không điều hành	0,00%	Không có

Số buổi họp của HĐQT

Thành viên	Số buổi họp	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Dũng	6/6	100%
Ông Nguyễn Văn Hoàng	3/6	50%
Ông Nguyễn Quốc Hồ	6/6	100%
Ông Võ Phú Nông	4/6	66,7%
Ông Dương Hùng Biện	3/6	50%

Nội dung kết quả các cuộc họp

Nội dung và kết quả các cuộc họp của HĐQT thể hiện qua các Nghị quyết HĐQT, cụ thể như sau:

ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	40/2020/BIDICO/HĐQT-NQ	15/04/2020	thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ TN 2020
2	58/2020/BIDICO/HĐQT-NQ	30/06/2020	Thông qua việc bầu CT.HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025
3	76/2020/BIDICO/HĐQT-NQ	27/07/2020	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán
4	125/2020/BIDICO/HĐQT-NQ	18/12/2020	V/v thay đổi Tổng giám đốc Công ty
5	135/2020/BIDICO/HĐQT-NQ	21/12/2020	V/v góp vốn vào Công ty TNHH Golden Resource
6	140/2020/BIDICO/HĐQT-NQ	26/12/2020	V/v góp vốn thành lập Công ty TNHH DNT Bình Thuận

Đánh giá chung của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT LOUIS HOLDINGS đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy công tác giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BGD nhằm đảm bảo thực hiện đúng các kế hoạch và chiến lược đã đề ra.

Công tác xây dựng chiến lược tiếp tục được cải tiến mạnh mẽ theo hướng huy động sức mạnh cả hệ thống nhằm đạt mục tiêu chung. Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát việc phổ biến và thực thi mô hình xây dựng chiến lược để đảm bảo nhất quán trong định hướng ở mọi vị trí và cấp bậc.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT			40	
2	Ông Nguyễn Quốc Hồ	TV HĐQT			5	
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	TV HĐQT			5	
4	Ông Võ Phú Nông	TV HĐQT			5	
5	Ông Dương Hùng Biện	TV độc lập HĐQT			5	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Võ Phú Nông	TGD	30			
2	Ông Lê Quang Nhuận	TGD	36			
3	Bà Mai Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	20			

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Không có							

CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất các công ty con đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt, toàn văn báo cáo được ký và đóng dấu của Công ty và tổ chức kiểm toán đã được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Louis Holdings (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	30/6/2020	
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	30/6/2020	
Ông Nguyễn Quốc Hồ	Thành viên	30/6/2020	
Ông Võ Phú Nông	Thành viên	30/6/2020	
Ông Dương Hùng Biện	Thành viên độc lập	30/6/2020	
Ông Huỳnh Thành Hiệp	Thành viên		30/6/2020
<u>Tổng Giám đốc</u>			
Ông Võ Phú Nông	Tổng Giám đốc		18/12/2020
Ông Lê Quang Nhuận	Tổng Giám đốc	18/12/2020	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Lê Quang Nhuận, chức danh Tổng Giám đốc Công ty được bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tôi, Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bình Thuận, ngày 9 tháng 4 năm 2021

LÊ QUANG NHUẬN - Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS HOLDINGS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Louis Holdings, được lập ngày 9 tháng 4 năm 2021, từ trang 6 đến trang 45 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2020, do đó Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ tại thời điểm cuối năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số dư tiền mặt tồn quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền là 2.491.366.765 VND.

Theo Thuyết minh số V.7b trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, các chi phí liên quan đến Mở cát trắng Tân Phước chưa được phân bổ vào kết quả kinh doanh là 8.370.313.072 VND. Đến thời điểm lập báo cáo, Công ty không xác định được thời gian hoàn thành công tác bồi thường, giải tỏa để được phép khai thác khu mỏ cát này. Vì vậy, Chúng tôi không có đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác định giá trị có thể thu hồi được của tài sản đầu đầu tư cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Louis Holdings, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Cùng với việc không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất những vấn đề sau :

- Công ty đã trình bày lại Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để sửa chữa ghi nhận doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận (công ty con) theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Việc trình bày lại này làm thay đổi một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như được trình bày tại Thuyết minh số VIII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Như trình bày tại Thuyết minh số IV.1: Trong năm, ngoại trừ việc chuyển nhượng dự án Khu Chuyển tải sông Dinh tại thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận và hoạt động cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Cụm Công nghiệp Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận của Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận (công ty con) ra, các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con hầu như không phát sinh. Hiện tại, Công ty đang cơ cấu vốn đầu tư các dự án, sắp xếp lại hoạt động của Công ty và các công ty con. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến những vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		536,544,461,746	258,573,064,162
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,581,203,771	1,094,662,844
Tiền	111	V.1	2,581,203,771	1,094,662,844
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		444,453,635,732	244,388,673,320
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	157,021,243,415	20,409,259,846
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	111,672,292,824	80,378,709,897
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	195,523,937,858	168,081,362,680
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5a	(22,366,295,198)	(27,083,115,936)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2,602,456,833	2,602,456,833
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	86,323,055,914	7,092,788,863
1. Hàng tồn kho	141		86,521,276,102	7,291,009,051
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(198,220,188)	(198,220,188)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,186,566,329	5,996,939,135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	-	1,404,831
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,373,139,888	3,253,766,859
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	813,426,441	2,741,767,445
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		478,372,748,816	467,950,511,459
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		180,983,924,350	153,443,946,400
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3b	218,243,527,321	218,406,652,321
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5b	(37,259,602,971)	(64,962,705,921)
II. Tài sản cố định	220		89,806,132,159	69,553,211,833
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	66,415,492,159	69,553,211,833
<i>Nguyên giá</i>	222		101,122,954,727	90,501,504,241
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34,707,462,568)	(20,948,292,408)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	23,390,640,000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		23,390,640,000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		174,457,107,488	211,026,783,861
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	174,457,107,488	211,026,783,861
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33,125,584,819	33,926,569,365
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	33,125,584,819	33,926,569,365
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,014,917,210,562	726,523,575,621

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		449,673,791,235	212,206,568,910
I. Nợ ngắn hạn	310		346,830,068,709	200,843,001,384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	69,287,300,466	10,992,798,600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6,867,328,800	3,534,178,800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12,919,322,253	14,064,375,407
4. Phải trả người lao động	314		3,349,954,455	2,754,033,682
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	80,903,840,905	71,863,815,403
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	42,748,558,782	41,597,881,444
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	130,753,763,048	56,035,918,048
II. Nợ dài hạn	330		102,843,722,526	11,363,567,526
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	100,000,000,000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	2,843,722,526	11,363,567,526
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		565,243,419,327	514,317,006,711
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	565,243,419,327	514,317,006,711
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576,800,000,000	576,800,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>576,800,000,000</i>	<i>576,800,000,000</i>
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	421		(22,854,748,332)	(73,046,836,501)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (lỗ lũy kế)</i>	<i>421a</i>		<i>(38,128,579,298)</i>	<i>28,401,260,553</i>
<i>Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>15,273,830,966</i>	<i>(101,448,097,054)</i>
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11,298,167,659	10,563,843,212
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,014,917,210,562	726,523,575,621

Bình Thuận, ngày 9 tháng 4 năm 2021

LÊ QUANG NHUẬN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ MINH HIỆP
Kế toán trưởng

MAI THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		69,363,636,363	12,896,335,364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3,940,790
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	69,363,636,363	12,892,394,574
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	68,284,179,786	8,518,445,666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,079,456,577	4,373,948,908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		115,984	659,925
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	9,852,624,075	9,789,388,732
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9,852,624,075	9,789,388,732
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	201,326,148
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	(26,424,264,851)	92,572,406,816
11. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17,651,213,337	(98,188,512,863)
12. Thu nhập khác	31		2,472,616,324	10,322,407
13. Chi phí khác	32		5,316,759,213	4,117,896,869
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.5	(2,844,142,889)	(4,107,574,462)
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		14,807,070,448	(102,296,087,325)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	13,102,399	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.6	-	-
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14,793,968,049	(102,296,087,325)
<u>Trong đó:</u>				
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		15,273,830,966	(101,448,097,054)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(479,862,917)	(847,990,271)
19. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a	265	(1,758)
20. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7b	265	(1,758)

Bình Thuận, ngày 9 tháng 4 năm 2021

LÊ QUANG NHUẬN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ MINH HIỆP
Kế toán trưởng

MAI T KIM PHƯƠNG
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ B03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		14,807,070,448	(102,296,087,325)
2.Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5,516,559,330	5,644,016,179
- Các khoản (hoàn nhập) dự phòng	03		(32,419,923,688)	87,383,355,001
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(579,086,822)	(659,925)
- Chi phí lãi vay	06		9,852,624,075	9,789,388,732
3.(Lỗ) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2,822,756,657)	520,012,662
- (Tăng) các khoản phải thu	09		(34,390,999,576)	(7,110,746,020)
- Giảm/ (Tăng) hàng tồn kho	10		151,357,102	(2,068,997,497)
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	97,428,775,518	13,597,892,742
- Giảm chi phí trả trước	12		802,389,377	1,175,033,531
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(1,272,598,573)	(2,014,693,782)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(822,904,840)	(1,382,350,604)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59,073,262,351	2,716,151,032
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn				
1.khác	21		(19,853,049,091)	(2,318,807,706)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn				
2.hạn khác	22		68,750,000,000	-
3.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(87,681,788,317)	-
4.Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		115,984	659,925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38,784,721,424)	(2,318,147,781)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ đi vay	33		-	36,532,000,000
2.Tiền trả nợ gốc vay	34		(18,802,000,000)	(37,952,601,177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18,802,000,000)	(1,420,601,177)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,486,540,927	(1,022,597,926)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,094,662,844	2,117,260,770
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2,581,203,771	1,094,662,844

Bình Thuận, ngày 9 tháng 4 năm 2021

LÊ QUANG NHUẬN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ MINH HIỆP
Kế toán trưởng

MAI THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Louis Holdings (tên tiếng Anh là Louis Holdings Joint Stock Company, tên viết tắt là Louis Holdings) trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 21 ngày 23 tháng 12 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 với mã chứng khoán là BII.

- **Vốn điều lệ** : 576.800.000.000 VND
Số cổ phiếu : 57.680.000 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận

Điện thoại : (0252) 3 870 935

Fax : (0252) 3 871 935

Mã số thuế : **3 4 0 0 5 5 5 1 4 6**

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : B52-53, Đường D6, Khu Dân cư Tân An Huy, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 54 10 9000

Fax : (08) 54 10 8800

Mã số thuế : **3 4 0 0 5 5 5 1 4 6-01**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, bất động sản, sản xuất công nghiệp và năng lượng sạch.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Buôn bán cao su, phân bón, hóa chất (trừ buôn bán thuốc BVTV); Buôn bán đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Buôn bán máy tính, thiết bị

ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây lắp công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng).

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phản ánh lợi nhuận hợp nhất 15.273.830.966 VND, trong khi đó năm trước lỗ 101.448.097.054 VND, chủ yếu lợi nhuận thu được từ hoàn nhập các khoản dự phòng phải thu khó đòi của Công ty và các công ty con trong năm.

6. Cấu trúc của Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 8 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Tất cả các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này, chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Lô B1-B2, Cụm Công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	76,19%	76,19%
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bidico	Lô A2, Cụm Công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận	Lô A1, Cụm Công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác cát, sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bất động sản và Xây dựng Bình Thuận	Cụm Công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%

Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	BN2 - KL15 khu dân cư phường Thống Nhất, phường Thống Nhất, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh hạ tầng Bảo Thư Trị An	BN2 - KL15 khu dân cư phường Thống Nhất, phường Thống Nhất, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Bất động sản	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Kỹ nghệ gỗ Lam Sơn	Khu CN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	64,46%	64,46%
Công ty TNHH Golden Resource	48 đường Giải Phóng, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Buôn bán gạo, lúa mì hạt ngũ cốc	99,03%	99,03%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được trình bày lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.4).

8. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty (bao gồm nhân viên của các công ty con) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 24 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 61 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế

toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm, ngoại trừ việc chuyển nhượng dự án Khu Chuyển tải sông Dinh tại thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận và hoạt động cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Cụm Công nghiệp Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận của Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận (công ty con) ra, các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con hầu như không phát sinh. Hiện tại, Công ty đang cơ cấu vốn đầu tư các dự án, sắp xếp lại hoạt động của Công ty và các công ty con. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất

kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán hàng, tiền cung cấp dịch vụ.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, tạm ứng nhân viên các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị văn phòng	3
Tài sản khác	10 - 12

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Giá trị các quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Golden Resource (công ty con) tại Khu phố 1, phường Hàm Tiên, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, chưa sử dụng, tạm thời chưa khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện tiền thuê đất, chi phí quyền khai thác cát, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

- Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, nhận giá trị công trình thi công, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; nhận ký quỹ, ký cược; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,.. và các khoản phải trả khác.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

16. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,...).

17. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

18. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ

vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình

quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.491.366.765	11.672.618
Tiền gửi ngân hàng	89.837.006	1.082.990.226
Cộng	<u>2.581.203.771</u>	<u>1.094.662.844</u>

2. Phải thu của khách hàng

Trung tâm Quy Hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	463.829.000	463.829.000
Võ Toàn Khoa	99.014.330	99.014.330
DNTN Hạ Tiến	3.520.400.000	3.520.400.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu Louis Rice	5.842.824.120	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Chế biến Dâm gồ TMT Bình Thuận	2.549.999.999	-
Công ty TNHH Kinh doanh VLXD Tân Cang	3.884.552.200	3.884.552.200
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm sứ - Xây dựng Thiên Lợi	3.969.460.916	3.969.460.916

Công ty TNHH Thương mại SMS	6.380.000.000	6.380.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vạn Phát Lợi	25.404.883.550	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hoàng Cường	6.559.935.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Nông sản Thảo Nguyên Xanh	14.784.143.500	-
Các khách hàng khác	83.562.200.800	2.092.003.400
Cộng	157.021.243.415	20.409.259.846

3. Trả trước cho người bán

a) Ngắn hạn	111.672.292.824	80.378.709.897
Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Kim Sơn	837.237.442	822.237.442
Công ty TNHH MTV KD VLXD Tân Càng	31.017.904.500	31.017.904.500
Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ - Xây dựng Thiên Lợi	9.870.000.037	9.870.000.037
Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	16.125.507.385	16.125.507.385
Công Ty TNHH Sản Xuất TM Công Thành	9.930.000.000	9.930.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Costa	9.075.837.714	5.742.687.714
Công ty THHH XD - TM Vũ Ngô	2.450.000.000	2.450.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Golden Rice	15.439.250.000	-
Công ty TNHH Thuận Hưng Phát	12.300.465.540	-
Các nhà cung cấp khác	4.626.090.206	4.420.372.819
b) Dài hạn	218.243.527.321	218.406.652.321
Công ty TNHH NL Gốm sứ và Xây dựng Thiên Lợi	64.075.000.000	64.075.000.000
Công ty TNHH Địa ốc Bình An	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty TNHH Hạnh Vân	608.836.000	608.836.000
Công ty TNHH VLXD Phước Bình	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty TNHH TM VLXD & XL Kim Châu	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty TNHH MTV Cát Tường	49.000.000.800	49.000.000.800
Các nhà cung cấp khác	9.059.690.521	9.222.815.521
Cộng	329.915.820.145	298.785.362.218

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Phát triển Bình Thuận (*) (i)	25.420.300.000	-	25.420.300.000	
Tạm ứng	165.165.993.399	(1.488.072.004)	136.887.980.463	(406.050.402)
<i>Trong đó:</i>				
Tạm ứng cho ông Mai Hồng Phúc (*)	45.000.000.000	-	45.000.000.000	
Tạm ứng cho ông Nguyễn Tiến Đức (*)	848.000.000	(848.000.000)	848.000.000	

Tạm ứng cho ông Võ Kim Nguyên (*) (ii)	20.510.980.000	-	20.510.980.000
Tạm ứng cho ông Võ Văn Trung (*)	120.000.000	-	120.000.000
Tạm ứng cho ông Võ Phú Nông (*) (iii)	93.961.931.850	-	65.553.931.850
Ký quỹ ngắn hạn	3.000.000	-	63.000.000
Các khoản phải thu khác	4.934.644.459	(3.461.946.799)	5.710.082.217 (3.247.153.671)
<i>Trong đó:</i>			
Bà Nguyễn Thị Mai (*)	-	-	449.024.447
Bà Lê Thị Hải Yến (*)	872.400.000	-	-
Cộng	195.523.937.858	(4.950.018.803)	168.081.362.680 (3.653.204.073)

Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)

186.733.611.850 (848.000.000) 157.902.236.297

- (i) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Phát triển Bình Thuận mượn tiền theo Hợp đồng mượn tiền ngày 25 tháng 12 năm 2018.
- (ii) Khoản mục phải thu về tạm ứng của ông Võ Kim Nguyên với số tiền 20.510.980.000 VND cho việc thực hiện dự án đền bù mở cát Tân Phước tại Bình Thuận, và người đại diện xử lý việc đền bù dự án này là ông Võ Kim Nguyên, tuy nhiên việc đền bù dự án kéo dài chưa hoàn tất thủ tục nên chưa thể tất toán khoản phải thu tạm ứng của ông Võ Kim Nguyên.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tạm ứng cho ông Võ Phú Nông bao gồm:
- Khoản tạm ứng tại Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu với số tiền là 65.548.931.850 VND. Đây là khoản tạm ứng thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái Tân Bửu giai đoạn 1 với quy mô 49,33 ha tại phường Tân Vạn - Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo QĐ số 340/UBND-ĐT ngày 11 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.
 - Các khoản tạm ứng còn lại tại Công ty Cổ phần Louis Holdings (trước kia là Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư) với số tiền là 28.413.000.000 VND, chủ yếu là khoản ứng tiền để thực hiện việc thu mua đất tại dự án Cụm Công nghiệp Thăng Hải III, tỉnh Bình Thuận theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 2011/2020/BIDICO/HĐQT-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020.

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	D
a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	33.105.529.182	10.739.233.984	(22.366.295.198)	67.074.484.684	39.991.368.748	(27.083.417.748)
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>5.487.983.400</i>	<i>1.056.120.000</i>	<i>(4.431.863.400)</i>	<i>21.080.243.330</i>	<i>13.663.182.000</i>	<i>(7.417.061.330)</i>
Trung tâm Quy Hoạch Và Đầu tư Tài nguyên Nước	-	-	-	463.829.000	-	(463.829.000)
Ông Võ Toàn Khoa	-	-	-	99.014.330	-	(99.014.330)
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Hiền	1.967.583.400	-	(1.967.583.400)	-	-	-
DNTN Hạ Trền	3.520.400.000	1.056.120.000	(2.464.280.000)	3.520.400.000	2.041.832.000	(1.478.568.000)
Công ty TNHH Thương mại SMS	-	-	-	6.380.000.000	3.190.000.000	(3.190.000.000)
Công ty TNHH MTV KD VLXD Tân Cang	-	-	-	10.617.000.000	8.431.350.000	(2.185.650.000)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	22.209.998.143	9.225.585.148	(12.984.412.995)	41.193.496.042	25.180.645.509	(16.012.980.533)
Công ty TNHH Nguyễn liệu gồm xứ - Xây dựng Thiên Lợi	-	-	-	9.870.000.037	6.909.000.026	(2.961.000.011)
Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	16.125.507.385	8.062.753.692	(8.062.753.693)	16.125.507.385	9.622.753.692	(6.502.753.693)
Công ty TNHH Sản xuất TM Công Thành	-	-	-	9.930.000.000	6.951.000.000	(2.979.000.000)
Công ty THHH XD - TM Vũ Ngộ	2.450.000.000	-	(2.450.000.000)	2.450.000.000	735.000.000	(1.715.000.000)
Các nhà cung cấp khác	3.634.490.758	1.162.831.456	(2.471.659.302)	2.817.988.620	962.891.791	(1.855.096.829)
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>5.407.547.639</i>	<i>457.528.836</i>	<i>(4.950.018.803)</i>	<i>4.800.745.312</i>	<i>1.147.541.239</i>	<i>(3.653.204.073)</i>

Tạm ứng	1.548.072.004	60.000.000	(1.488.072.004)	580.072.004	174.021.602	(406.327.398)
Các khoản phải thu khác	3.859.475.635	397.528.836	(3.461.946.799)	4.220.673.308	973.519.637	(3.247.153.671)
b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	54.632.536.800	17.372.933.829	(37.259.602.971)	122.297.816.321	57.335.110.400	(64.962.705.921)
<i>Trả trước cho người bán dài hạn</i>	<i>54.632.536.800</i>	<i>17.372.933.829</i>	<i>(37.259.602.971)</i>	<i>122.297.816.321</i>	<i>57.335.110.400</i>	<i>(64.962.705.921)</i>
Công ty TNHH MTV Cát Tường	49.000.000.800	14.700.000.240	(34.300.000.560)	49.000.000.800	24.500.000.400	(24.500.000.000)
Công ty TNHH NL Gốm sứ và Xây dựng Thiên Lợi	-	-	-	64.075.000.000	32.037.500.000	(32.037.000.000)
Công ty TNHH DV-VT-XD Á Châu	-	-	-	4.844.717.211	-	(4.844.717.211)
Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	1.265.000.000	-	(1.265.000.000)	1.265.000.000	-	(1.265.000.000)
Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	2.658.700.000	2.155.282.789	(503.417.211)	2.658.700.000	797.610.000	(1.861.090.000)
Các nhà cung cấp khác	1.708.836.000	517.650.800	(1.191.185.200)	454.398.310	-	(454.398.310)
Cộng	87.738.065.982	28.112.167.813	(59.625.898.169)	189.372.301.005	97.326.479.148	(92.045.673.853)

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ,... các khoản trả trước người bán hay các khoản tạm ứng, phải thu khác,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.202.172.988	(24.701.600)	1.202.172.988	(24.701.600)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	416.161.035	(122.567.493)	416.161.035	(122.567.493)
Thành phẩm	1.397.949.752	(50.951.095)	1.549.306.854	(50.951.095)
Hàng hóa	83.504.992.327	-	4.123.368.174	-
Cộng	86.521.276.102	(198.220.188)	7.291.009.051	(198.220.188)

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	1.404.831
Công cụ, dụng cụ	-	1.404.831
b) Dài hạn	33.125.584.819	33.926.569.365
Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ (i)	8.370.313.072	8.370.313.072
Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại Cụm công nghiệp Thăng Hải II	304.287.079	304.287.056
Tiền thuê đất (ii)	24.449.429.120	25.046.617.040
Công cụ, dụng cụ	-	3.673.250
Chi phí khác	1.555.548	201.678.947
Cộng	33.125.584.819	33.927.974.196

- (i) Chi phí này bao gồm chi phí thuê xin cấp phép, chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản,...các chi phí này chưa được phân bổ là do đến thời điểm hiện tại mỏ cát trắng này chưa đi vào khai thác do công tác bồi thường giải tỏa chưa hoàn thành, khi khai thác sẽ tiến hành phân bổ theo trữ lượng cấp phép và sản lượng khai thác thực tế.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số V.16, quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bidico (công ty con) tại Cụm Công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đang được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	34.094.498,925	49.042.854,340	3.994.009,999	102.940,909	3.267.200,068	90.501.504,241
Tăng trong năm	-	12.372.998,122	-	-	-	12.372.998,122
Mua công ty con	-	12.372.998,122	-	-	-	12.372.998,122
Giảm trong năm	675.584,000	539.600,000	536.363,636	-	-	1.751.547,636
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>675.584,000</i>	<i>539.600,000</i>	<i>536.363,636</i>	-	-	<i>1.751.547,636</i>
Số cuối năm	33.418,914,925	60.876,252,462	3.457,646,363	102.940,909	3.267,200,068	101.122,954,727
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	7.550.390,395	9.834.108,841	2.535.909,651	102.940,909	924.942,613	20.948,292,408
Tăng trong năm	1.907.357,386	11.714.786,160	533.823,591	-	231.845,868	14.387,813,005
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.907.357,386</i>	<i>2.843.532,485</i>	<i>533.823,591</i>	-	<i>231.845,868</i>	<i>5.516,559,330</i>
Mua công ty con	-	8.871.253,675	-	-	-	8.871.253,675
Giảm trong năm	253.344,015	175.960,725	199.338,105	-	-	628.642,845
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>253.344,015</i>	<i>175.960,725</i>	<i>199.338,105</i>	-	-	<i>628.642,845</i>
Số cuối năm	9.204,403,766	21.372,934,276	2.870,395,137	102,940,909	1.156,788,481	34.707,462,568
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	26.544.108,530	39.208.745,500	1.458.100,349	-	2.342.257,455	69.553,211,833
Số cuối năm	24.214,511,159	39,503,318,187	587,251,227	-	2,110,411,587	66,415,492,159
Nguyên giá TSCD hết khấu hao vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	967.944,944	504.550,000	136.363,636	102.940,909	-	1.711.799,489
Số cuối năm	967,944,944	504,550,000	136,363,636	102,940,909	-	1,711,799,489
Giá trị còn lại của TSCD đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem Thuyết minh số V.16):						
Số đầu năm	15.499.728,346	33.603,279,449	780.115,596	-	-	49.883,123,391
Số cuối năm	14,300,471,505	31,511,095,587	455,364,360	-	-	46,266,931,452

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quyền sử dụng đất	23.390.640.000	-
Cộng	<u>23.390.640.000</u>	<u>-</u>

Giá trị quyền sử dụng đất Công ty có được từ việc đầu tư mua Công ty TNHH Golden Resource (công ty con) trong năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>4.072.625.735</i>	<i>4.072.625.735</i>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản</i>	<i>170.384.481.753</i>	<i>206.954.158.126</i>
Công trình Cụm Công nghiệp Thăng Hải I (i)	20.338.230.442	9.737.090.442
Công trình Cụm Công nghiệp Thăng Hải II (i)	91.903.844.157	91.903.844.157
Công trình Cụm Công nghiệp Tân Bình (i)	28.243.666.238	19.152.757.147
Dự án Khu Chuyển tải sông Dinh (ii)	-	67.934.488.007
Dự án khai thác Cát trắng tại xã Tân Phước, thị xã Lagi	7.009.074.464	7.009.074.464
Công trình khác	22.889.666.452	11.216.903.909
Cộng	<u>174.457.107.488</u>	<u>211.026.783.861</u>

- (i) Chủ yếu là các chi phí đền bù, giải tỏa, san lấp mặt bằng của các công trình. Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh cho các cụm công nghiệp này để thu hút thêm đầu tư.
- (ii) Dự án Khu Chuyển tải sông Dinh đã được chuyển nhượng trong năm theo Hợp đồng hợp tác chiến lược số 01/2020/HĐCN ngày 5 tháng 10 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng ngày 02 tháng 12 năm 2020, giá chuyển nhượng là 68.000.000.000 VND (chưa thuế GTGT), doanh thu và giá vốn dự án ghi nhận tại Thuyết minh số VI.1 và Thuyết minh số VI.2.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH MTV Máy móc Nam Anh	2.245.268.960	2.245.268.960	2.345.268.960	2.345.268.960
Công ty TNHH TM & DV KT CĐ Mặt Trời Việt	79.815.214	79.815.214	79.815.214	79.815.214
Công ty Cổ phần DV XNK Nhật Minh	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH TM và DV Nhà thép Khang Thịnh	262.000.000	262.000.000	422.000.000	422.000.000
Công ty TNHH DV Vận tải Xây dựng Đông Á	-	-	421.718.665	421.718.665

Công ty TNHH Nguyên Bình	242.609.925	242.609.925	412.609.925	412.609.925
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Luong thực Đại Phát	1.779.839.000	1.779.839.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu Thịnh Phát	6.738.835.000	6.738.835.000	-	-
Công ty TNHH TH VDDRAGON	9.765.950.000	9.765.950.000	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Luong thực Thực phẩm Thiên Vũ	16.027.674.061	16.027.674.061	-	-
Các nhà cung cấp khác	30.145.308.306	30.145.308.306	5.311.385.836	5.311.385.836
Cộng	69.287.300.466	69.287.300.466	10.992.798.600	10.992.798.600

Số nợ quá hạn chưa thanh toán:

Công ty TNHH MTV Cát Tường	554.628.928	554.628.928	554.628.928	554.628.928
Công ty TNHH Tổng hợp Minh Châu	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH MTV Máy móc Nam Anh	2.245.268.960	2.245.268.960	2.345.268.960	2.345.268.960
Công ty TNHH TM & DV KT CĐ Mặt Trời Việt	79.815.214	79.815.214	79.815.214	79.815.214
Công ty Cổ phần DV XNK Nhật Minh	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH TM và DV Nhà thép Khang Thịnh	262.000.000	262.000.000	422.000.000	422.000.000
Công ty TNHH DV Vận tải Xây dựng Đông Á	-	-	421.718.665	421.718.665
Các nhà cung cấp khác	3.213.655.399	3.213.655.399	3.213.655.399	3.213.655.399
Cộng	8.705.368.501	8.705.368.501	9.387.087.166	9.387.087.166

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Kinh Doanh VLXD Tân Cang	6.576.150.000	3.243.000.000
Các khách hàng khác	291.178.800	291.178.800
Cộng	<u>6.867.328.800</u>	<u>3.534.178.800</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	(973.711.926)	3.401.441.481	-	2.427.729.555
<i>Thuế GTGT phải thu</i>	<i>(1.735.143.445)</i>	<i>1.735.143.445</i>	-	-
<i>Thuế GTGT phải nộp</i>	<i>761.431.519</i>	<i>1.666.298.036</i>	-	<i>2.427.729.555</i>
Thuế hàng nhập khẩu	(3.624.000)	-	-	(3.624.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.124.304.145	5.929.769.792	822.904.840	8.231.169.097
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ mua công ty con</i>	-	<i>5.916.667.393</i>	-	<i>5.916.667.393</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu</i>	-	<i>13.102.399</i>	<i>822.904.840</i>	<i>(809.802.441)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>3.124.304.145</i>	-	-	<i>3.124.304.145</i>
Thuế thu nhập cá nhân	268.070.782	87.291.566	59.681.677	295.680.671
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.210.709.919	84.269.430	1.126.440.489
Các loại thuế khác	8.907.568.961	1.156.593.058	10.035.662.019	28.500.000
<i>Thuế tài nguyên môi trường</i>	<i>103.694.453</i>	<i>129.593.058</i>	<i>225.787.511</i>	<i>7.500.000</i>
<i>Thuế môn bài</i>	<i>(3.000.000)</i>	<i>27.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	<i>21.000.000</i>
Các khoản phạt thuế	9.806.874.508	-	9.806.874.508	-
Các khoản phải nộp khác	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	-
Cộng	<u>11.322.607.962</u>	<u>11.785.805.816</u>	<u>11.002.517.966</u>	<u>12.105.895.812</u>

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.741.767.445	813.426.441
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>14.064.375.407</u>	<u>12.919.322.253</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thi công cơ sở hạ tầng tại Cụm Công nghiệp Thăng Hải I (i)	13.624.193.481	13.624.193.481
Chi phí thi công cơ sở hạ tầng tại Cụm Công nghiệp Thăng Hải II (i)	23.779.248.760	23.779.248.760
Chi phí thi công cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Tân Bình I	1.992.792.339	1.992.792.339
Tiền thuê đất Cụm Công nghiệp Thăng Hải I và II phải trả	15.661.800.000	15.661.800.000
Chi phí lãi vay phải trả	23.849.322.250	15.269.296.748
Chi phí vận chuyển	192.326.148	192.326.148
Chi phí phải trả khác	1.804.157.927	1.344.157.927
Cộng	<u>80.903.840.905</u>	<u>71.863.815.403</u>

(i) Đây là các chi phí thi công cơ sở hạ tầng, liên quan đến phần diện tích đã cho thuê tại Cụm Công nghiệp Thăng Hải I và Thăng Hải II.

15. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	42.748.558.782	41.597.881.444
Tài sản thừa chờ giải quyết	151.928.883	151.928.883
Bảo hiểm xã hội	424.931.290	298.306.180
Bảo hiểm y tế	57.408.476	35.109.986
Bảo hiểm thất nghiệp	25.853.553	15.943.113
Công ty TNHH MTV Cát Tường	15.792.900.000	15.792.900.000
Công ty TNHH Kinh doanh Vật liệu xây dựng La Gi	3.197.419.339	3.197.419.339
Phải trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho cục Thuế Bình Thuận	1.312.192.000	1.312.192.000
Thuế GTGT phải nộp bổ sung cho Nhà nước	2.697.732.795	5.102.019.861
Các khoản phải trả khác	19.088.192.446	15.692.062.082
<i>Trong đó:</i>		
Bà Nguyễn Thị Mai (*)	10.449.349.073	8.975.521.912
Ông Nguyễn Văn Dũng (*)	1.485.000.000	435.000.000
Ông Võ Kim Nguyên (*)	200.000.000	56.001.310
b) Dài hạn	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu Louis Rice (i)	100.000.000.000	-
Cộng	<u>142.748.558.782</u>	<u>41.597.881.444</u>

Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan (*) **12.134.349.073** **9.466.523.222**

(i) Đây là khoản hỗ trợ tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu Louis Rice cho Công ty để bổ sung vốn tái cấu trúc các hoạt động của Công ty theo Hợp đồng hợp tác chiến lược số 01/2020/HĐCN ngày 5 tháng 10 năm 2020, thời gian hỗ trợ tài chính là 2 năm không tính lãi.

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Kết chuyển khoản vay đến hạn trả	Phát sinh tăng từ mua công ty con	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a) Vay ngắn hạn									
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>	56.035.918.048	56.035.918.048	8.519.845.000	85.000.000.000	(18.802.000.000)	130.753.763.048	130.753.763.048		
Vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định (i)	<i>21.521.608.697</i>	<i>21.521.608.697</i>	-	<i>85.000.000.000</i>	<i>(18.802.000.000)</i>	<i>87.719.608.697</i>	<i>87.719.608.697</i>		
Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	2.719.608.697	2.719.608.697	-	-	-	2.719.608.697	2.719.608.697		
Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (ii)	-	-	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000		
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh (iii)	-	-	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000	35.000.000.000		
Vay dài hạn đến hạn trả	34.514.309.351	34.514.309.351	8.519.845.000	-	-	43.034.154.351	43.034.154.351		
Vay dài hạn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định đến hạn trả	34.514.309.351	34.514.309.351	8.519.845.000	-	-	43.034.154.351	43.034.154.351		
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Công nghiệp Báo Thư (iv)</i>	<i>20.206.910.528</i>	<i>20.206.910.528</i>	<i>2.919.845.000</i>	-	-	<i>23.126.755.528</i>	<i>23.126.755.528</i>		
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bidico (v)</i>	<i>14.307.398.823</i>	<i>14.307.398.823</i>	<i>5.600.000.000</i>	-	-	<i>19.907.398.823</i>	<i>19.907.398.823</i>		
b) Vay dài hạn	11.363.567.526	11.363.567.526	(8.519.845.000)	-	-	2.843.722.526	2.843.722.526		
Vay dài hạn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định	11.363.567.526	11.363.567.526	(8.519.845.000)	-	-	2.843.722.526	2.843.722.526		

Vay dài hạn Ngân Hàng					
TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định					
	11.363.567.526	11.363.567.526	(8.519.845.000)	-	2.843.722.526
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu (tv)</i>	2.919.845.000	2.919.845.000	(2.919.845.000)	-	-
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bidico (v)</i>	8.443.722.526	8.443.722.526	(5.600.000.000)	-	2.843.722.526
Tổng cộng	67.399.485.574	67.399.485.574	-	85.000.000.000	(18.802.000.000)
					133.597.485.574
					133.597.485.574

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn có các khoản vay và nợ như sau:

(i) Vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định

Đây là khoản vay Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bidico (công ty con) theo Hợp đồng tín dụng số 72/HĐTDHM-SCB-CNGD.16 ngày 24 tháng 02 năm 2016, hạn mức vay là 3 tỷ VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay: 9% - 9,5/năm. Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel Bidico" tại tỉnh Bình Thuận và máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án này (xem Thuyết minh số V.7 và số V.8).

(ii) Vay ngắn hạn Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô

Khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH Golden Resource (công ty con) theo Hợp đồng tín dụng số 6223-LAV-201900433 ngày 15 tháng 10 năm 2019. Hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh lúa gạo. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ ba bên ngoài theo Hợp đồng thế chấp số 6223-LAV-201900365 ngày 15 tháng 10 năm 2019 để đảm bảo khoản vay này.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh

Khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH Golden Resource (công ty con) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 56/2019-HĐCVHM/NHCT942-GOLDEN RESOURCE ngày 12 tháng 12 năm 2019. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty đã sử dụng tài sản của bên thứ ba bên ngoài theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số

117/2019/HĐBĐ/NHCT942-GOLDEN RESOURCE ngày 12 tháng 12 năm 2019 để đảm bảo khoản vay này.

(i) Khoản vay dài hạn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định của Công ty Cổ phần Louis Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu) bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 338/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 3 tháng 8 năm 2016. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 11%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền mua xe Mitsubishi Pajero. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.8).
- Hợp đồng tín dụng số 182/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 6 tháng năm 2016 và 6 phụ lục bổ sung với số tiền được vay là 30 tỷ VND. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 11%/năm. Mục đích vay để hoàn lại phần vốn tự có mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu đã sử dụng để đầu tư dự án “Nhà máy Chế biến Cát Bình Thuận” tại Lô A1, Cụm Công nghiệp Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp cổ phần thông thường do BII phát hành và tài sản của bên thứ ba là quyền sử dụng đất tại xã Phước Bình, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định của Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bidico (công ty con)

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 69/HĐTDHM-SCB-CNGĐ.16 ngày 24 tháng 02 năm 2016, hạn mức vay là 31 tỷ VND. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống nhà máy gạch Tuynel Bidico tại Cụm Công nghiệp Thắng Hải I tại tỉnh Bình Thuận giai đoạn 1. Thời hạn vay là 72 tháng, lãi suất vay: 10,8%/năm. Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất thuộc dự án “Nhà máy gạch Tuynel Bidico” tại tỉnh Bình Thuận và máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án này (xem Thuyết minh số V.8).

17. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm trước				
Số đầu năm	576.800.000.000	28.401.260.553	11.411.833.483	616.613.094.03
(Lỗ) trong năm	-	(101.448.097.054)	(847.990.271)	(102.296.087.32)
Số cuối năm	576.800.000.000	(73.046.836.501)	10.563.843.212	514.317.006.71
Năm nay				
Số đầu năm	576.800.000.000	(73.046.836.501)	10.563.843.212	514.317.006.71
Lãi (lỗ) trong năm	-	15.273.830.966	(479.862.917)	14.793.968.04
Mua công ty con trong năm (i)	-	34.918.257.203	1.214.187.364	36.132.444.56
Số cuối năm	576.800.000.000	(22.854.748.332)	11.298.167.659	565.243.419.32

Đây là khoản lợi nhuận sau thuế được ghi nhận khi Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Golden Resource bằng hình thức chuyển nhượng lại phần vốn góp để trở thành chủ sở hữu của Công ty TNHH Golden Resource trên cơ sở Nghị quyết số 135/2020/BIDICO/HĐQT-NQ của Hội đồng quản trị ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn

(i) ngày 21 tháng 12 năm 2020, giá trị chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Golden Resource là 89.127.600.000 VND, chiếm tỷ lệ 99,03% vốn điều lệ của công ty.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.680.000	57.680.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	57.680.000	57.680.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>57.680.000</i>	<i>57.680.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.680.000	57.680.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>57.680.000</i>	<i>57.680.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	946,07	959,27

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu</i>	<i>69.363.636.363</i>	<i>12.896.335.364</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.363.636.363	12.896.335.364
Doanh thu chuyển nhượng dự án (xem Thuyết minh số V.10)	68.000.000.000	-
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>-</i>	<i>(3.940.790)</i>
Chiết khấu thương mại	-	(3.940.790)
Doanh thu thuần	<u>69.363.636.363</u>	<u>12.892.394.574</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	349.691.779	8.518.445.666
Giá vốn chuyển nhượng dự án (xem Thuyết minh số V.10)	67.934.488.007	-
Cộng	<u>68.284.179.786</u>	<u>8.518.445.666</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	115.984	659.925
Cộng	<u>115.984</u>	<u>659.925</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	9.852.624.075	9.789.388.732
Cộng	<u>9.852.624.075</u>	<u>9.789.388.732</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.148.549.210	2.388.924.867
Chi phí dụng cụ quản lý	11.204.331	24.429.188
Chi phí khấu hao	885.359.847	653.433.672
Thuế phí và lệ phí	1.372.442.882	135.609.732
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	(32.465.163.366)	87.478.007.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	772.054.526	904.879.824
Chi phí bằng tiền khác	851.287.719	987.122.101
Cộng	<u>(26.424.264.851)</u>	<u>92.572.406.816</u>

6. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	2.472.616.324	10.322.407
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	513.458.845	-
Thu nhập khác	1.959.157.479	10.322.407
Chi phí khác	5.316.759.213	4.117.896.869
Tiền phạt	-	111.224.932
Chi phí phát sinh trong thời gian ngừng hoạt động	5.316.759.213	3.846.983.547
Chi phí khác	-	159.688.390
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	<u>(2.844.142.889)</u>	<u>(4.107.574.462)</u>

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.807.070.448	(102.296.087.325)
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	5.316.759.213	4.055.244.439
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.316.759.213	4.055.244.439
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Chuyển lỗ	<u>(12.244.068.714)</u>	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	7.879.760.947	(98.240.842.886)
<i>Trong đó:</i>		
Lỗ tính thuế từ hoạt động thông thường	(10.076.399.811)	(146.193.360.094)
Thu nhập không tính thuế từ hoạt động thông thường (thu nhập điều chỉnh hợp nhất kết quả kinh doanh)	17.890.648.765	47.952.517.208
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án	65.511.993	-
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>13.102.399</u>	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản lỗ mang sang là 98.758.677.828 VND có thể bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong thời hạn 5 năm kể từ khi phát sinh. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thu nhập trong tương lai, chi tiết như sau:

<u>Năm phát sinh</u>	<u>Quyết toán thuế</u>	<u>Lỗ tính thuế</u>	<u>Năm hết hạn</u>
Năm 2018	Chưa quyết toán	866.551.492	Năm 2023
Năm 2019	Chưa quyết toán	97.892.126.336	Năm 2024
Cộng		<u>98.758.677.828</u>	

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận (lỗ) kế toán sau thuế		15.273.830.966	(101.448.097.054)
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		15.273.830.966	(101.448.097.054)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		<u>57.680.000</u>	<u>57.680.000</u>
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu		<u>265</u>	<u>(1.758)</u>
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu			
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		15.273.830.966	(101.448.097.054)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng		15.273.830.966	(101.448.097.054)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		<u>57.680.000</u>	<u>57.680.000</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm		-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng		<u>57.680.000</u>	<u>57.680.000</u>
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu		<u>265</u>	<u>(1.758)</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	10.587.166	4.277.143.831
Chi phí nhân viên	2.148.549.210	3.940.057.592
Chi phí khấu hao	885.359.847	2.669.427.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	971.006.368	1.661.688.163
Chi phí bằng tiền khác	(30.241.432.765)	88.611.775.291
Cộng	<u>(26.225.930.174)</u>	<u>101.160.092.230</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	886.363.636	-
Chi phí lãi vay phải trả	8.580.025.502	7.773.848.949

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Phát triển Bình Thuận

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Võ Phú Nông

Ông Võ Kim Nguyên

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Võ Văn Trung

Ông Mai Hồng Phúc

Ông Nguyễn Tiến Đức

Bà Lê Thị Hải Yến

Mối quan hệ

Công ty liên quan (Cùng người đại diện pháp luật với Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận)

Cổ đông, Chủ tịch HĐQT

Cổ đông, Thành viên HĐQT

Cổ đông, Giám đốc

Cổ đông

Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận (trước ngày 22/01/2021)

Giám đốc Công ty TNHH MTV Kinh doanh Hạ tầng Bảo Thư Trị An và Công ty TNHH MTV Bất động sản và Xây dựng Bình Thuận

Cổ đông kiêm Giám đốc Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Lam Sơn

Giám đốc Công ty TNHH Golden Resource

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua cổ phần Công ty TNHH Golden Resource		
Bà Lê Thị Hải Yến	89.127.600.000	-

Tạm ứng		
Ông Võ Phú Nông	30.000.000.000	2.005.000.000
Ông Võ Văn Trung	-	20.000.000
Ông Mai Hồng Phúc	-	5.500.000.000
Cộng	<u>30.000.000.000</u>	<u>7.525.000.000</u>

Cho mượn tiền		
Bà Nguyễn Thị Mai	<u>65.000.000</u>	<u>4.013.338.302</u>

Mượn tiền		
Ông Võ Phú Nông	50.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Dũng	1.050.000.000	-
Ông Võ Kim Nguyên	209.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Mai	<u>3.569.158.052</u>	<u>12.901.702.123</u>
Cộng	<u>4.878.158.052</u>	<u>12.901.702.123</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tạm ứng		
Ông Võ Phú Nông	93.961.931.850	65.553.931.850
Ông Võ Kim Nguyên	20.510.980.000	20.510.980.000
Ông Võ Văn Trung	120.000.000	120.000.000
Ông Mai Hồng Phúc	45.000.000.000	45.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Đức	<u>848.000.000</u>	<u>848.000.000</u>
Cộng	<u>160.440.911.850</u>	<u>132.032.911.850</u>

Phải thu tiền cho mượn tiền, phải thu khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Phát triển Bình Thuận	25.420.300.000	25.420.300.000
Bà Nguyễn Thị Mai	-	449.024.447
Bà Lê Thị Hải Yến	<u>872.400.000</u>	-
Cộng	<u>26.292.700.000</u>	<u>25.869.324.447</u>

Phải trả tiền mượn		
Ông Nguyễn Văn Dũng	1.485.000.000	435.000.000
Ông Võ Kim Nguyên	200.000.000	56.001.310
Bà Nguyễn Thị Mai	<u>10.449.349.073</u>	<u>8.975.521.912</u>
Cộng	<u>12.134.349.073</u>	<u>9.466.523.222</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng và phụ cấp	1.081.666.660	964.398.721
Cộng	<u>1.081.666.660</u>	<u>964.398.721</u>

2. Báo cáo theo bộ phận

Công ty đang cơ cấu vốn đầu tư các dự án, sắp xếp lại hoạt động của Công ty và các công ty con. Trong năm, ngoại trừ việc Công ty chuyển nhượng dự án Khu chuyển tải sông Dinh tại thị xã La Gi tỉnh Bình Thuận và hoạt động cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Cụm Công nghiệp Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận của Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận (công ty con), các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con hầu như không phát sinh. Do đó, theo Tổng Giám đốc, Báo cáo theo bộ phận cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 không được yêu cầu lập.

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	133.597.485.574	67.399.485.574
Trừ: Tiền	<u>(2.581.203.771)</u>	<u>(1.094.662.844)</u>
Nợ thuần	131.016.281.803	66.304.822.730
Vốn chủ sở hữu	565.243.419.327	514.317.006.711
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>23,18%</u>	<u>12,89%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.5.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền	2.581.203.771	2.581.203.771	1.094.662.844	1.094.662.844
Phải thu của khách hàng	152.589.380.015	152.589.380.015	12.992.198.516	12.992.198.516
Phải thu khác	26.895.997.660	26.895.997.660	27.946.228.546	27.946.228.546

Cộng	182.066.581.446	182.066.581.446	42.033.089.906	42.033.089.906
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	69.287.300.466	69.287.300.466	10.992.798.600	10.992.798.600
Chi phí phải trả	80.903.840.905	80.903.840.905	71.863.815.403	71.863.815.403
Phải trả khác	138.078.511.785	138.078.511.785	34.682.381.421	34.682.381.421
Các khoản vay	133.597.485.574	133.597.485.574	67.399.485.574	67.399.485.574
Cộng	421.867.138.730	421.867.138.730	184.938.480.998	184.938.480.998

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện nay và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và giá cả hàng hóa.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và phải thu khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả tiền trước, đặt cọc hay trả tiền ngay đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, ngoại trừ các khoản nợ đã quá hạn, không thu hồi được đã được xem xét trích lập dự phòng, các khoản phải thu khách hàng không còn rủi ro đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác phần lớn đều là các khoản cho các đối tượng có liên quan với Công ty mượn, thực hiện dự án, theo Công ty, các khoản phải thu khác không có rủi ro đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền	2.581.203.771	-	-	2.581.203.771
Phải thu của khách hàng	152.589.380.015	-	-	152.589.380.015

Phải thu của khách hàng	152.589.380.015	-	-	152.589.380.01
Phải thu khác	26.895.997.660	-	-	26.895.997.66
Cộng	182.066.581.446	-	-	182.066.581.44

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	69.287.300.466	-	-	69.287.300.46
Chi phí phải trả	80.903.840.905	-	-	80.903.840.90
Phải trả khác	38.078.511.785	100.000.000.000	-	138.078.511.78
Các khoản vay	130.753.763.048	2.843.722.526	-	133.597.485.57
Cộng	319.023.416.204	102.843.722.526	-	421.867.138.73

Chênh lệch thanh khoản thuần

	(136.956.834.758)	(102.843.722.526)	-	(239.800.557.284)
--	--------------------------	--------------------------	----------	--------------------------

Số đầu năm Tài sản tài chính

Tiền	1.094.662.844	-	-	1.094.662.84
Phải thu của khách hàng	12.992.198.516	-	-	12.992.198.51
Phải thu khác	27.946.228.546	-	-	27.946.228.54
Cộng	42.033.089.906	-	-	42.033.089.90

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	10.992.798.600	-	-	10.992.798.60
Chi phí phải trả	71.863.815.403	-	-	71.863.815.40
Phải trả khác	34.682.381.421	-	-	34.682.381.42
Các khoản vay	56.035.918.048	11.363.567.526	-	67.399.485.57
Cộng	173.574.913.472	11.363.567.526	-	184.938.480.99

Chênh lệch thanh khoản thuần

	(131.541.823.566)	(11.363.567.526)	-	(142.905.391.092)
--	--------------------------	-------------------------	----------	--------------------------

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao, do các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty cao hơn so với tài sản tài chính. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Trình bày lại

Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận (công ty con) có khoản doanh thu bán cát cho Công ty TNHH MTV KD VLXD Tân Cang với số tiền là 12.600.000.000 VND không được chấp nhận do hàng hóa mua từ Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Costa có giá trị tương ứng là 8.250.760.000 VND không được xác định rõ ràng. Công ty đã trình bày lại Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước để điều chỉnh nghiệp vụ mua bán

hàng này theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, điều này đã làm giảm doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán của kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền tương ứng, đồng thời lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng giảm xuống với số tiền là 4.349.240.000 VND. Việc trình bày lại này làm thay đổi một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có sự thay đổi như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (Được trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31.026.259.846	(10.617.000.000)	20.409.259.846
Trả trước cho người bán ngắn hạn	74.636.022.183	5.742.687.714	80.378.709.897
Thuế GTGT được khấu trừ	4.078.842.859	(825.076.000)	3.253.766.859
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.706.624.000	1.035.143.445	2.741.767.445
Phải trả người bán ngắn hạn	14.325.946.886	(3.333.148.286)	10.992.798.600
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	291.178.800	3.243.000.000	3.534.178.800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.289.231.962	(224.856.555)	14.064.375.407
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	<u>(97.098.857.054)</u>	<u>(4.349.240.000)</u>	<u>(101.448.097.054)</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (Được trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.496.335.364	(12.600.000.000)	12.896.335.364
Giá vốn hàng bán	16.769.205.666	(8.250.760.000)	8.518.445.666
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	(97.946.847.325)	(4.349.240.000)	(102.296.087.325)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(97.098.857.054)	(4.349.240.000)	(101.448.097.054)
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(1.683)	(75)	(1.758)
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	<u>(1.683)</u>	<u>(75)</u>	<u>(1.758)</u>

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế	(97.946.847.325)	(4.349.240.000)	(102.296.087.325)
Tăng, giảm các khoản phải thu	(11.774.990.861)	4.664.244.841	(7.110.746.020)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	<u>13.912.897.583</u>	<u>(315.004.841)</u>	<u>13.597.892.742</u>

5. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có phát sinh các sự kiện sau đây:

- Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ khoản vốn đầu tư vào Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận (công ty con) với giá trị vốn góp là 32.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 76,19% vốn điều lệ của công ty này theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/2021/HĐCNVG ngày 20 tháng 01 năm 2021 trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng quản trị số 112/2018/BIDICO/HĐQT-NQ ngày 28 tháng 6 năm 2018, giá trị chuyển nhượng là 32.000.000.000 VND.
- Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp đăng ký thay đổi đến lần thứ 22, chuẩn y việc đổi tên “Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư” thành “Công ty Cổ phần Louis Holdings”.

Ngoài các sự kiện nêu trên ra, Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Bình Thuận, ngày 9 tháng 4 năm 2021

LÊ QUANG NHUẬN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ MINH HIỆP
Kế toán trưởng

MAI THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập biểu

Bình Thuận, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Lê Quang Nhuận
Lê Quang Nhuận



**LOUIS
HOLDINGS**

Trao chữ tín, Nhận niềm tin